

KẾT NỐI TRI THỨC | NGŨ VĂN

CẨM NANG ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2026

PHẦN 1. KĨ NĂNG TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

41 ngữ liệu thực hành (Thơ, Truyện, Kí, Nghị luận, Văn bản thông tin) kèm đáp án chi tiết

BẢN GIỚI THIỆU (TRÍCH ĐOẠN)

Những điều cần nắm trước khi ôn luyện; Đề 1 “Dựng nhà” (Nguyễn Thúy Quỳnh); Đề 17 “Mạng xã hội và hội chứng ‘thời nào’” (Phạm Việt Long)

Kết Nối Tri Thức | Ngũ Văn. Zalo: 0328 961 617

VÌ SAO CẦN BỘ TÀI LIỆU NÀY?

Phần Đọc hiểu chiếm 4,0 điểm trong đề thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn, với năm câu hỏi theo ba mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Ngữ liệu hoàn toàn nằm ngoài sách giáo khoa, vì vậy **học thuộc bài không giúp được gì; điều quyết định là kĩ năng đọc**: nhận ra dấu hiệu thể loại, gọi đúng tên yếu tố hình thức, lí giải được tác dụng và trình bày câu trả lời đúng “liều lượng” mà mỗi câu hỏi đòi hỏi.

Phần 1 của Cẩm nang ôn thi Kết Nối Tri Thức được biên soạn để học sinh đọc đúng cách người ra đề nghĩ và trả lời đúng điều người chấm tìm. Lí thuyết được hệ thống theo từng loại văn bản; 41 đề thực hành được trình bày thống nhất theo cấu trúc và thang điểm đề thi, mỗi câu có đáp án chi tiết, câu mở có lưu ý chấp nhận cách trả lời khác.

Điểm nổi bật

- **Lí thuyết theo đúng thể loại trong chương trình**: thơ, truyện, kí, kịch, nghị luận, văn bản thông tin; kèm kiến thức tiếng Việt thường gặp và những lỗi học sinh hay mắc. Mỗi dạng câu hỏi có cách nhận diện và công thức trả lời cụ thể.
- **41 ngữ liệu mới từ các đề thi thử năm 2026**: 14 đề thơ, 12 đề nghị luận, 7 đề truyện, 6 đề văn bản thông tin, 2 đề kí; nhiều ngữ liệu thời sự như mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chủ quyền và bản sắc văn hóa.
- **Trình bày thống nhất như đề thi thật**: Câu 1, Câu 2 (0,5 điểm) nhận biết; Câu 3, Câu 4 (1,0 điểm) thông hiểu; Câu 5 (1,0 điểm) vận dụng; tổng 4,0 điểm.
- **Đáp án chuẩn mực, có chiều sâu**: trả lời trúng yêu cầu của từng câu hỏi, trích dẫn đối chiếu nguyên văn với ngữ liệu, thuật ngữ thống nhất với sách giáo khoa; câu hỏi mở có lưu ý chấp nhận các cách trả lời hợp lí khác.

Dành cho ai và dùng thế nào

- Học sinh lớp 12 ôn thi tốt nghiệp: học lí thuyết theo từng loại văn bản, làm mỗi đề trong 25 đến 30 phút rồi mới đối chiếu đáp án.
- Giáo viên: dùng làm ngân hàng đề luyện tập, kiểm tra thường xuyên; ngữ liệu của nhiều đề được dùng tiếp cho câu viết đoạn văn ở Phần 2 và Phần 3, thuận tiện cho việc tổ chức một đề thi hoàn chỉnh.
- Phụ huynh: theo dõi tiến bộ của con qua điểm tự chấm từng đề.

Trọn bộ Cẩm nang ôn thi tốt nghiệp THPT 2026

Phần	Nội dung	Số đề thực hành
Phần 1	Kĩ năng trả lời câu hỏi Đọc hiểu (thơ, truyện, kí, kịch, nghị luận, văn bản thông tin)	41 đề
Phần 2	Kĩ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội khoảng 200 chữ	27 đề

Phần	Nội dung	Số đề thực hành
Phần 3	Kĩ năng viết đoạn văn nghị luận văn học khoảng 200 chữ	41 đề
Phần 4	Kĩ năng viết bài văn nghị luận xã hội khoảng 600 chữ	41 đề
Phần 5	Kĩ năng viết bài văn nghị luận văn học khoảng 600 chữ	36 đề

DANH MỤC 41 ĐỀ THỰC HÀNH TRONG PHẦN 1

- Đề 1. Ngữ liệu thơ: “Dựng nhà” (Nguyễn Thúy Quỳnh)
- Đề 2. Ngữ liệu nghị luận: “Có chăng nghệ thuật đọc sách?” (Huỳnh Như Phương)
- Đề 3. Ngữ liệu thơ: “Những dòng sông” (Bế Kiến Quốc)
- Đề 4. Ngữ liệu thơ: “Ngày trông không” (Chế Lan Viên)
- Đề 5. Ngữ liệu thơ: “Bài thơ chưa thể đặt tên” (Nguyễn Phan Quế Mai)
- Đề 6. Ngữ liệu thơ: “Còn lại gì từ năm mười tám tuổi” (Đinh Hoàng Anh)
- Đề 7. Ngữ liệu truyện: “Người trong mưa lũ” (Sương Nguyệt Minh)
- Đề 8. Ngữ liệu văn bản thông tin: “Từ của năm do Oxford công bố” (Trần Hà)
- Đề 9. Ngữ liệu thơ: “Thời đại của tốc độ lớn” (Bằng Việt)
- Đề 10. Ngữ liệu kí (hồi kí): “Gia đình, bạn bè và đất nước” (Nguyễn Thị Bình)
- Đề 11. Ngữ liệu nghị luận: “Con đường chẳng mấy ai đi” (M. Scott Peck)
- Đề 12. Ngữ liệu văn bản thông tin: “Án tượng 2025” (Trần Quang)
- Đề 13. Ngữ liệu nghị luận: “Nếu cả đời không rực rỡ thì sao?” (Phương Lưu)
- Đề 14. Ngữ liệu truyện: “Chúng tôi và bọn hần” (Nguyễn Khải)
- Đề 15. Ngữ liệu nghị luận: “Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu?” (Rosie Nguyễn)
- Đề 16. Ngữ liệu kí (tự truyện): “Tâm hồn của Minh” (Nguyễn Thị Việt Hà)
- Đề 17. Ngữ liệu nghị luận: “Mạng xã hội và hội chứng ‘thối não’” (Phạm Việt Long)
- Đề 18. Ngữ liệu thơ: “Đất nước những đêm dài không ngủ” (Nguyễn Việt Chiến)
- Đề 19. Ngữ liệu nghị luận: “Bước qua vùng an toàn” (Nguyễn Anh Dũng)
- Đề 20. Ngữ liệu nghị luận: “Gió tầng nào gặp mây tầng đó” (Soul)
- Đề 21. Ngữ liệu nghị luận: “Làm một bông hoa” (Ernie Carwile)
- Đề 22. Ngữ liệu nghị luận: “Tại sao lại chần chừ?” (Teo Aik Cher)
- Đề 23. Ngữ liệu nghị luận: “Nếu biết trăm năm là hữu hạn” (Phạm Lữ Ân)
- Đề 24. Ngữ liệu văn bản thông tin: “Đưa tranh Đông Hồ vào dòng chảy kinh tế sáng tạo” (Thuận Thảo)

- Đề 25. Ngữ liệu thơ: “Trăn trở đất hồi sinh” (Lê Thu)
- Đề 26. Ngữ liệu văn bản thông tin: “Ước mơ về một “Đông Đô” thế kỷ XXI” (Mai Sông Bé)
- Đề 27. Ngữ liệu truyện: “Người đánh trống trường” (Ma Văn Kháng)
- Đề 28. Ngữ liệu thơ: “Ru mẹ” (Trần Hoàng Thiên Kim)
- Đề 29. Ngữ liệu nghị luận: “Đúng thời điểm hoa sẽ nở” (Yun Subin)
- Đề 30. Ngữ liệu truyện: “Phiên bản mới nhất” (Mai Văn Phấn)
- Đề 31. Ngữ liệu văn bản thông tin: “Du lịch Đất Tổ mùa lễ hội 2026: Cùng ‘chạm’ vào di sản với trải nghiệm sâu sắc” (Xuân Mai)
- Đề 32. Ngữ liệu truyện: “Miền đất trong lòng” (Trần Duy Thành)
- Đề 33. Ngữ liệu truyện: “Móng vuốt thời gian” (Ma Văn Kháng)
- Đề 34. Ngữ liệu văn bản thông tin: “Các khoa ngoại ngữ Trung Quốc trước làn sóng AI”
- Đề 35. Ngữ liệu thơ: “Thôn Chu Hưng” (Lưu Quang Vũ)
- Đề 36. Ngữ liệu thơ: “Những nhà thơ trẻ chúng tôi” (Trần Mạnh Hảo)
- Đề 37. Ngữ liệu nghị luận: “Phải là một công dân trước khi nghĩ đến chuyện toàn cầu” (Phan Văn Trường)
- Đề 38. Ngữ liệu thơ: “Cho tôi một mảnh hồn xóm nhỏ” (Nguyễn Đăng Độ)
- Đề 39. Ngữ liệu truyện: “Ga tàu tuổi thơ” (Vũ Thị Huyền Trang)
- Đề 40. Ngữ liệu thơ: “Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi” (Lưu Quang Vũ)
- Đề 41. Ngữ liệu thơ: “Nắng Ba Đình” (Nguyễn Ngọc Phú)

TRÍCH PHẦN I: NHỮNG ĐIỀU CẦN NẮM TRƯỚC KHI ÔN LUYỆN

1. Phần Đọc hiểu trong đề thi tốt nghiệp THPT

Từ năm 2025, đề thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn được xây dựng theo Chương trình GDPT 2018, làm bài tự luận trong 120 phút. Phần Đọc hiểu chiếm 4,0 điểm, gồm 5 câu hỏi được sắp xếp theo ba mức độ nhận thức: **Câu 1 và Câu 2 (mỗi câu 0,5 điểm) ở mức Nhận biết; Câu 3 và Câu 4 (mỗi câu 1,0 điểm) ở mức Thông hiểu; Câu 5 (1,0 điểm) ở mức Vận dụng.** Điểm then chốt là ngữ liệu được lấy hoàn toàn ngoài sách giáo khoa, có thể là thơ, truyện, kí, kịch, văn bản nghị luận hoặc văn bản thông tin. Vì thế, học sinh không thể học thuộc nội dung từng văn bản mà phải nắm chắc tri thức về thể loại và cách thức đọc hiểu mà sách giáo khoa Ngữ văn đã trang bị qua từng bài học.

2. Ba mức độ của câu hỏi và cách “đo lường” câu trả lời

- **Nhận biết** đòi hỏi chỉ ra, gọi tên, xác định những gì hiện diện trực tiếp trên văn bản: thể thơ, ngôi kể, biện pháp tu từ, luận đề, chi tiết, từ ngữ, hình ảnh... Câu trả lời cần trúng, gọn, có dẫn chứng chính xác; viết dài ở câu này không được thêm điểm mà còn tốn thời gian.

- **Thông hiểu** đòi hỏi lí giải, phân tích, cắt nghĩa: tác dụng của một biện pháp nghệ thuật, ý nghĩa của một hình ảnh, chi tiết, mối quan hệ giữa các yếu tố, tình cảm và thái độ của người viết. Câu trả lời phải đi qua hai tầng: tầng hình thức (cái gì, biểu hiện ở đâu) và tầng ý nghĩa (để làm gì, nói lên điều gì).
- **Vận dụng** đòi hỏi người đọc bước ra khỏi văn bản để đối thoại với nó: rút ra thông điệp, bài học, bày tỏ sự đồng tình hay phản biện, liên hệ với bản thân và đời sống, so sánh với một văn bản khác. Câu trả lời cần một quan điểm rõ ràng và những lí lẽ thuyết phục, không dừng ở khẩu hiệu.

3. Quy trình bốn bước khi làm phần Đọc hiểu

- **Bước 1. Đọc lướt câu hỏi trước, đọc kĩ ngữ liệu sau.** Biết trước mình cần tìm gì giúp việc đọc có định hướng; khi đọc, gạch chân những từ ngữ, câu văn, hình ảnh liên quan trực tiếp đến câu hỏi.
- **Bước 2. Xác định thể loại và “chìa khóa” của văn bản.** Nhan đề, xuất xứ, lời dẫn, chú thích thường cho biết văn bản thuộc loại nào, viết về điều gì, trong hoàn cảnh nào. Thể loại quyết định hệ thống khái niệm sẽ dùng khi trả lời.
- **Bước 3. Phân tích lệnh hỏi.** Gạch chân động từ chỉ yêu cầu (xác định, chỉ ra, nêu, phân tích, lí giải, nhận xét, đánh giá, rút ra...) và phạm vi của câu hỏi (một câu, một đoạn, toàn văn bản). Trả lời đúng và đủ phạm vi ấy.
- **Bước 4. Viết câu trả lời theo cấu trúc “nêu ý trước, lí giải sau”.** Câu mở đầu trả lời thẳng vào câu hỏi; các câu tiếp theo dẫn chứng và lí giải. Cách viết này giúp người chấm nhận ra ngay ý đúng.

4. Những nguyên tắc chung khi trình bày

- Trích dẫn từ ngữ, câu văn, câu thơ phải chính xác và đặt trong ngoặc kép; không chép lại nguyên cả đoạn dài khi đề chỉ yêu cầu chỉ ra từ ngữ, hình ảnh.
- Dùng đúng thuật ngữ của sách giáo khoa: phân biệt đề tài với chủ đề, nhân vật trữ tình với đối tượng trữ tình, ngôi kể với điểm nhìn, luận đề với luận điểm, thông điệp với bài học, dữ liệu sơ cấp với dữ liệu thứ cấp.
- Mỗi nhận xét về hình thức nghệ thuật đều phải được “neo” vào câu chữ cụ thể của ngữ liệu: chỉ rõ biểu hiện ở đâu, nhấn mạnh điều gì, bộc lộ cảm xúc, thái độ gì.
- Với câu hỏi mở, mọi quan điểm đều được chấp nhận nếu hợp chuẩn mực đạo đức, pháp luật và được lí giải thuyết phục; điều người chấm đánh giá là chiều sâu của lập luận chứ không phải việc chọn phe “đồng tình” hay “không đồng tình”.

TRÍCH PHẦN II: HAI ĐỀ THỰC HÀNH MẪU

Đề 1. Ngữ liệu thơ: “Dựng nhà” (Nguyễn Thúy Quỳnh)

Đọc văn bản sau:

DỰNG NHÀ

(Nguyễn Thúy Quỳnh)

*Trống trời trống đất trống người trong ta
Dựng một cái nhà mở ra năm cửa*

*Cửa quay hướng núi
bốn mùa tốt tươi
theo dõi trời dài cùng mây khói
có lúc về bên núi ta ngồi.*

*Cửa trông ra biển
rười rượi gió lành
lỡ có ngày ta làm lếp
biển gột giùm cho tôi trong xanh.*

*Cửa mở sang làng giềng
ta mang hết thiện chân ra đối
mong nhận về đôi kẻ tri âm
khi tối đèn tắt lửa.*

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Nêu dấu hiệu xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra “năm cửa” được mở ra của ngôi nhà trong bài thơ.

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích hiệu quả của biện pháp điệp từ được sử dụng trong câu thơ đầu tiên của bài thơ.

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu ý nghĩa của “Cửa trông ra biển” qua hai câu thơ sau:

*“lỡ có ngày ta làm lếp
biển gột giùm cho tôi trong xanh.”*

Câu 5 (1,0 điểm). Từ khổ thơ về “Cửa quay hướng núi”, anh/chị hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân và lí giải vì sao.

*Cửa vọng ông bà
nơi ta bước vào cúi đầu, bước ra dài rộng
gặp ghềnh đường xa, quanh co lối hẹp
những chấn nặng đời theo
nhắc lối thom về.*

*Cửa trở lên trời
mai ngày
không nợ nần chi nữa
thuận đường mà rong chơi.*

(Nguồn: Trang thơ Nguyễn Thúy Quỳnh, **Tạp chí Sông Hương online** – số 342, ngày 25/08/2017)

Đáp án tham khảo

Câu 1. Dấu hiệu xác định thể thơ

Văn bản được viết theo **thể thơ tự do**. Dấu hiệu nhận biết: số tiếng trong mỗi dòng không đều nhau, có dòng chỉ hai tiếng (“mai ngày”), có dòng dài tới mười tiếng (“nơi ta bước vào cúi đầu, bước ra dài rộng”); số dòng trong các khổ không cố định; vần và nhịp linh hoạt, không theo một khuôn luật nào.

Câu 2. “Năm cửa” của ngôi nhà

Năm cửa được mở ra gồm: **“Cửa quay hướng núi”, “Cửa trông ra biển”, “Cửa mở sang láng giềng”, “Cửa vọng ông bà”, “Cửa trở lên trời”**.

Câu 3. Hiệu quả của biện pháp điệp từ trong câu thơ đầu

Ở câu thơ mở đầu “Trông trời trông đất trông người trong ta”, từ **“trông”** được **điệp lại ba lần**, mỗi lần gắn với một đối tượng: trời, đất, người. Về nghệ thuật, điệp từ chia câu thơ thành những nhịp chẵn đều đặn (trông trời / trông đất / trông người / trong ta), tạo âm hưởng dồn nén như những nhịp gõ liên tiếp vào lòng người đọc. Trật tự trời, đất, người rồi khép lại bằng “trong ta” vẽ nên một chuyển động thu hẹp dần, từ vũ trụ bao la về tận cõi lòng riêng, khiến cảm giác trông vắng như thấm từ bên ngoài vào bên trong. Về nội dung, điệp từ nhấn mạnh trạng thái chông chênh, thiếu một điểm tựa tinh thần của con người giữa cuộc đời rộng lớn. Chính khoảng trống ấy là lí do để câu thơ thứ hai cất lên: “Dựng một cái nhà mở ra năm cửa”, nghĩa là con người phải tự kiến tạo cho mình một chốn nương náu, một cách sống. Qua đó, ta nhận ra thái độ tự vấn thành thật và khát vọng chủ động lấp đầy đời sống tâm hồn của nhân vật trữ tình.

Câu 4. Ý nghĩa của “Cửa trông ra biển” qua hai câu thơ

Biển trong khổ thơ hiện lên với vẻ “rười rượi gió lành”, mát mẻ, trong trẻo và bao dung. Hai câu thơ “lỡ có ngày ta làm láp / biển gột giùm cho tôi trong xanh” cho thấy **“Cửa trông ra biển” là cánh cửa của sự tự soi xét và thanh lọc tâm hồn**. Cụm từ “lỡ có ngày” là một giả định khiêm nhường: con người biết mình không hoàn hảo, có thể vấp ngã, có thể để đời sống làm cho “làm láp”, vẩn đục. Động từ “gột giùm” mang sắc thái nhờ cậy, tin cậy, như thể biển là một người bạn lớn có thể rửa sạch những bụi bặm của đời người. Tính từ “trong xanh” khép lại câu thơ bằng một màu sắc tinh khôi, gợi trạng thái tâm hồn được hồi phục. Đáng chú ý, cách xưng hô chuyển từ “ta” sang “tôi” khiến lời thơ trở nên riêng tư, gần như một lời tự thú. Qua đó, nhà thơ bày tỏ ý thức giữ mình trong sạch và niềm tin vào sức mạnh chữa lành của thiên nhiên rộng lớn.

Câu 5. Thông điệp rút ra từ khổ thơ “Cửa quay hướng núi”

Mỗi người cần dành cho mình một chốn tĩnh tại, vững chãi để trở về, lắng lại và chiêm nghiệm. Ngọn núi trong khổ thơ “bốn mùa tốt tươi”, lặng lẽ “theo dõi trời dài cùng mây khói”, là hình ảnh của sự bền bỉ, nhẫn nại trước mọi đổi thay. Câu thơ “có lúc về bên núi ta ngồi” không nói đến một cuộc chạy trốn, mà là một khoảng dừng cần thiết để con người nhìn lại mình. Với người trẻ hôm nay, giữa nhịp sống gấp gáp, giữa thông tin ồn ào trên mạng xã hội, khoảng lặng ấy càng quý: nó giúp ta hiểu điều mình thực sự cần, giữ được sự điềm tĩnh trước áp lực học tập, thi cử. Hơn

nữa, học được sự vững vàng của núi, ta sẽ không dễ bị cuốn theo những trào lưu nhất thời, mà biết đứng vững trên những giá trị của chính mình.

Lưu ý: Học sinh có thể rút ra thông điệp khác (sống bền bỉ, vững vàng; gắn bó, hòa hợp với thiên nhiên...), miễn là bám sát hình ảnh trong khổ thơ và lí giải hợp lí.

Đề 17. Ngữ liệu nghị luận: “Mạng xã hội và hội chứng ‘thối não’” (Phạm Việt Long)

Đọc văn bản:

MẠNG XÃ HỘI VÀ HỘI CHỨNG “THỐI NÃO”

Mạng xã hội như TikTok, Facebook Reels, YouTube Shorts ngày càng phổ biến, mang đến các nội dung ngắn gọn, dễ tiếp thu. Chỉ trong vài giây, người xem có thể nắm bắt thông tin hoặc giải trí mà không cần đầu tư quá nhiều thời gian. Dần dần, điều này khiến bộ não chúng ta thích nghi với việc tiếp nhận thông tin trong thời gian ngắn và làm suy giảm khả năng tập trung khi phải đối mặt với các nội dung dài hơn. Khi đã quen với việc chỉ cần một cái lướt tay là có ngay nội dung mới, chúng ta dần mất kiên nhẫn với những bài viết, bài giảng hay sách báo yêu cầu sự chú ý kéo dài.

Tình trạng này dẫn đến nhiều hậu quả khôn lường. Đầu tiên, khả năng tập trung của con người bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Khi chỉ quen với những video kéo dài từ 10 đến 30 giây, não bộ sẽ khó duy trì sự chú ý trong thời gian dài, gây khó khăn khi đọc sách, làm việc hay học tập. Bên cạnh đó, khả năng tư duy phản biện cũng bị suy giảm. Các nội dung ngắn thường thiếu chiều sâu, và khi liên tục tiếp thu những thông tin rời rạc mà không có thời gian để suy nghĩ hay phân tích, con người dễ dàng tin vào các thông tin sai lệch, thiếu kiểm chứng.

[...]

Ngoài ra, trí nhớ dài hạn cũng bị ảnh hưởng. Khi chủ yếu tiêu thụ các thông tin ngắn, não bộ ít có cơ hội ghi nhớ sâu, khiến khả năng lưu trữ và hồi tưởng thông tin kém đi.

Tuy nhiên, “thối não” không chỉ đến từ việc tiếp nhận quá nhiều nội dung ngắn mà còn từ nhiều thói quen khác trên internet. Một trong số đó là việc tiêu thụ nội dung tiêu cực liên tục. Thường xuyên theo dõi các tin tức bạo lực, giật gân, gây sốc hoặc mải mồm các thói hư tật xấu trong xã hội một cách cực đoan, có thể ảnh hưởng xấu đến tinh thần và tâm lý, khiến người xem trở nên căng thẳng và mất năng lượng. Bên cạnh đó, lạm dụng mạng xã hội và dành quá nhiều thời gian lướt web mà không có mục đích rõ ràng cũng làm suy giảm khả năng tập trung và tư duy. Những bài đăng vô nghĩa, các cuộc tranh luận vô bổ trên mạng chỉ làm tăng thêm căng thẳng mà không mang lại giá trị thực sự.

Ngoài ra, việc tiếp xúc quá nhiều với các video hoặc trò chơi có yếu tố bạo lực cũng là một nguyên nhân quan trọng. Khi não bộ quen với các nội dung kích thích mạnh, người dùng có thể trở nên chai lì cảm xúc hoặc giảm khả năng tư duy sâu sắc. Một vấn đề khác là thiếu kiểm soát nội dung tiếp nhận, khi con người hấp thụ thông tin một cách thụ động mà không sàng lọc, dẫn đến sự quá tải và khiến bộ não hoạt động kém hiệu quả.

[...]

Tóm lại, mạng xã hội không phải là thứ xấu, nhưng việc lạm dụng nội dung ngắn có thể gây ra nhiều hệ lụy cho khả năng tư duy và tập trung. Đồng thời, nhiều thói quen tiêu cực khác trên Internet cũng góp phần vào tình trạng “thối não” mà chúng ta cần nhận thức rõ. Để bảo vệ bản thân, hãy sử dụng mạng

xã hội một cách có kiểm soát, chọn lọc nội dung tiếp nhận và rèn luyện thói quen tư duy sâu sắc. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể duy trì tư duy sắc bén và không bị cuốn vào vòng xoáy của thông tin ngắn hạn và hời hợt.

(Theo Phạm Việt Long, <https://vanhoavaphattrien.vn/mang-xa-hoi-va-hoi-chung-thoi-nao-a27855.html>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Nhan đề “*Mạng xã hội và hội chứng ‘thối não’*” cho biết mục đích và nội dung chính của văn bản là gì?

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định vấn đề trọng tâm (luận đề) được bàn luận trong văn bản.

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp làm tăng tính phủ định được sử dụng trong văn bản.

Câu 4 (1,0 điểm). Nhận xét về cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản.

Câu 5 (1,0 điểm). Anh/chị hiểu như thế nào về nhận định: “*Mạng xã hội không phải là thứ xấu, nhưng việc lạm dụng nội dung ngắn có thể gây ra nhiều hệ lụy*”? (Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng.)

Đáp án tham khảo

Câu 1. Nhan đề cho biết mục đích và nội dung chính của văn bản.

Nhan đề cho biết văn bản bàn về **tác hại của việc lạm dụng mạng xã hội đối với bộ não con người**, được gọi bằng một hình ảnh gây ấn tượng mạnh là hội chứng “thối não”. Mục đích của văn bản là cảnh báo, giúp người đọc nhận thức rõ nguy cơ này để sử dụng mạng xã hội một cách tỉnh táo, có kiểm soát.

Câu 2. Xác định vấn đề trọng tâm (luận đề) của văn bản.

Luận đề: **việc lạm dụng nội dung ngắn trên mạng xã hội, cùng nhiều thói quen tiêu cực khác trên internet, đang gây ra tình trạng “thối não”**, làm suy giảm khả năng tập trung, tư duy phản biện và trí nhớ dài hạn của con người; vì vậy, mỗi người cần sử dụng mạng xã hội có kiểm soát và chọn lọc.

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp làm tăng tính phủ định.

Một biện pháp tiêu biểu là **cách diễn đạt phủ định nhiều tầng** trong câu: “Những bài đăng vô nghĩa, các cuộc tranh luận vô bổ trên mạng chỉ làm tăng thêm căng thẳng mà không mang lại giá trị thực sự.” Ở tầng thứ nhất, hai tính từ có yếu tố Hán Việt “vô” (nghĩa là không) là “vô nghĩa”, “vô bổ” đứng song song, phủ nhận ngay từ đầu giá trị của những nội dung ấy. Ở tầng thứ hai, cấu trúc “chỉ... mà không...” vừa thu hẹp tác động của chúng vào một kết quả tiêu cực duy nhất là “tăng thêm căng thẳng”, vừa bác bỏ dứt khoát khả năng chúng “mang lại giá trị thực sự”. Sự cộng hưởng ấy khiến lời phê phán trở nên đanh gọn, không chừa chỗ cho lời biện hộ rằng lướt mạng vô định cũng có ích. Về nội dung, câu văn chỉ rõ bản chất của thói quen lướt web “mà không có mục đích rõ ràng”: tiêu tốn thời gian, năng lượng mà chẳng đem lại gì, từ đó củng cố luận điểm về những thói quen gây “thối não”. Qua đó, tác giả bộc lộ thái độ phê phán thẳng thắn, đồng thời ngầm nhắc người đọc tự soát lại quỹ thời gian mình đang dành cho mạng xã hội.

Lưu ý: Học sinh có thể chọn cách diễn đạt phủ định khác, chẳng hạn câu “Mạng xã hội không phải là thứ xấu, nhưng...” (phủ định một nhận thức cực đoan để lập luận khách quan hơn) hoặc các từ ngữ mang nghĩa phủ định như “thiếu chiều sâu”, “thiếu kiểm chứng”, “mà không có thời gian để suy nghĩ hay phân tích”; nếu chỉ ra và phân tích hợp lý vẫn cho điểm.

Câu 4. Nhận xét về cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm.

Văn bản có **cách lập luận chặt chẽ, mạch lạc, đi từ hiện tượng đến hệ quả, mở rộng sang nguyên nhân rồi kết lại bằng giải pháp**. Mở đầu, tác giả mô tả sự phổ biến của nội dung ngắn và cơ chế khiến bộ não “thích nghi với việc tiếp nhận thông tin trong thời gian ngắn”; tiếp đó, các hệ quả được trình bày lần lượt qua hệ thống từ nối “Đầu tiên”, “Bên cạnh đó”, “Ngoài ra”: suy giảm khả năng tập trung, tư duy phản biện, trí nhớ dài hạn. Đoạn văn mở đầu bằng “Tuy nhiên” nói rộng góc nhìn sang những thói quen tiêu cực khác (tiêu thụ nội dung tiêu cực, lướt web không mục đích, tiếp xúc với bạo lực, không sàng lọc thông tin), giúp vấn đề được soi chiếu toàn diện. Phần kết bắt đầu bằng “Tóm lại” vừa tổng hợp vừa đưa ra lời khuyên cụ thể, lại tránh được thái độ cực đoan khi thừa nhận mạng xã hội “không phải là thứ xấu”. Về ngôn ngữ, văn bản chủ yếu dùng lớp từ khách quan, chính xác như “khả năng tập trung”, “tư duy phản biện”, “trí nhớ dài hạn”, song vẫn điểm xuyết những từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm: “hậu quả khôn lường”, “ảnh hưởng nghiêm trọng”, “chai lì cảm xúc”, “vòng xoáy của thông tin ngắn hạn và hồi hợt”. Cách gọi “thối não” đặt trong ngoặc kép tạo ấn tượng mạnh, còn đại từ “chúng ta” cùng lời kêu gọi “hãy sử dụng mạng xã hội một cách có kiểm soát” rút ngắn khoảng cách với người đọc. Nhờ vậy, văn bản vừa đáng tin cậy vừa có sức lay động, nhất là với người trẻ.

Câu 5. Hiểu như thế nào về nhận định “Mạng xã hội không phải là thứ xấu, nhưng việc lạm dụng nội dung ngắn có thể gây ra nhiều hệ lụy”?

Nhận định khẳng định mạng xã hội tự nó không có lỗi, điều quyết định là cách con người sử dụng nó. Mạng xã hội là công cụ để kết nối, cập nhật thông tin, học hỏi và giải trí, nên phủ nhận nó là phiến diện. Thế nhưng, khi để những đoạn video vài chục giây chiếm trọn thời gian, bộ não quen dần với kích thích tức thì, đánh mất sự kiên nhẫn để đọc trọn một cuốn sách hay theo đuổi một suy nghĩ đến cùng. Ranh giới giữa *sử dụng* và *lạm dụng* vì thế nằm ở sự chủ động: người trẻ cần đặt giới hạn thời gian, chọn lọc nội dung và giữ thói quen đọc sâu, nghĩ kĩ, để làm chủ mạng xã hội thay vì bị nó dẫn dắt.

Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt theo cách riêng, miễn hiểu đúng hai vế của nhận định (không phủ nhận mạng xã hội; cảnh báo sự lạm dụng) và trình bày đúng dung lượng.

ĐĂNG KÍ SỞ HỮU TRỌN BỘ TÀI LIỆU

Bản giới thiệu này chỉ trích một phần nhỏ của Phần 1. Trọn bộ Cẩm nang ôn thi tốt nghiệp THPT 2026 gồm năm phần, hơn 180 đề thực hành, tất cả có đáp án chi tiết; riêng bốn phần viết đoạn văn và bài văn có Hướng dẫn chấm, Rubric theo chuẩn đề thi năm 2026 và bài viết tham khảo hoàn chỉnh cho từng đề.

Liên hệ

- **Trang Facebook:** Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn
- **Zalo:** 0328 961 617
- **Cộng đồng học tập trực tuyến:** Cộng Đồng Dạy và Học Ngữ Văn

Học đúng cách chấm, viết đúng điều người chấm tìm.